

Học kỳ: Học kỳ 1 - Năm học 2017-2018
Term (1731)

Lớp: 0500 (2221)
Class

STT (S/N)	MSSV (Student#)	Họ Lót (Surname)	Tên (Given Name)	KT1 (10 %)	KT2 (10 %)	KTGK (20 %)	Ghi chú (Note)
1	2161051	Lê Tuấn	An	10,0	8,0	4,0	
2	2161066	Nguyễn Ngọc	Châu	7,0	6,0	8,0	
3	2161253	Tăng Tiểu	Châu	4,0	4,0	7,5	
4	2161621	Nguyễn Hồng	Diễm	9,0	6,0	7,0	
5	2161329	Nguyễn Ngọc Thùy	Duyên	10,0	4,0	6,5	
6	2163031	Thái Khánh	Hà	6,0	4,0	6,5	
7	2161325	Trần Thu	Hà	8,0	4,0	9,5	
8	2161083	Ngô Gia	Hân	5,0	2,0	8,0	
9	2161321	Nguyễn Minh	Hiếu	10,0	6,0	4,5	
10	2161108	Trương Đức	Hiếu	10,0	10,0	8,5	
11	2161312	Trần Phước	Huy	8,0	6,0	4,5	
12	2160989	Lê Thị Bích	Huyền	8,0	2,0	4,5	
13	2161671	Lê Duy Bảo	Khang	8,0	8,0	3,5	
14	2161754	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	5,0	2,0	9,0	
15	2161113	Nguyễn Trần Hữu	Lộc	5,0	10,0	6,0	
16	2160801	Bùi Đức	Minh	7,0	2,0	7,5	
17	2161136	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	10,0	10,0	7,5	
18	2161723	Trần Thị Bảo	Ngân	6,0	2,0	8,0	
19	2160043	Huỳnh Trung	Nguyễn	10,0	2,0	8,5	
20	2160810	Nguyễn Đình Phước	Nguyễn	7,0	2,0	7,5	
21	2161157	Nguyễn Lê	Nhi	10,0	2,0	6,5	
22	2161153	Trịnh Tuyết	Nhi	10,0	2,0	8,0	
23	2160837	Lương Bửu	Như	8,0	2,0	7,5	
24	2160521	Võ Hồng	Phúc	10,0	6,0	4,5	
25	2161767	Nguyễn Ngọc Xuân	Quyên	10,0	10,0	6,0	
26	2160843	Trần Ngọc Phương	Quỳnh	Vắng	Vắng	Vắng	
27	2161180	Tiêu Thái	Tài	10,0	2,0	4,5	
28	2160525	Hồ Thiên	Thanh	8,0	4,0	4,0	
29	2160561	Trần Ngọc	Thanh	10,0	2,0	6,0	
30	2160865	Lê Văn	Thành	10,0	4,0	3,5	
31	2160557	Đỗ Công Phương	Thảo	10,0	4,0	5,0	
32	2162323	Hoàng Duy	Thịnh	10,0	4,0	4,5	
33	2160602	Lê Nguyễn Anh	Trà	10,0	4,0	9,5	
34	2161902	Hoàng Thị	Tuyết	9,0	6,0	8,5	
35	2161286	Nguyễn Đình	Tú	10,0	4,0	5,5	
36	2160944	Lê Thanh	Tùng	10,0	2,0	6,0	
37	2160624	Nguyễn Thúy	Vi	10,0	8,0	9,0	
38	2160652	Nguyễn Hồng Yến	Vy	10,0	0,0	4,0	
39	2163010	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	10,0	4,0	6,5	
40	2161270	Nguyễn Phạm Thục	Vy	10,0	4,0	6,5	

Ngày tháng năm 20
Chủ nhiệm bộ môn
(Department Head)

Ngày tháng năm 20
Giảng viên phụ trách lớp
(Instructor)

Lê Thái Hùng